

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN VIÊN TÍN DỤNG – BẬC CƠ BẢN

Học phần 3:

## CÁC SẢN PHẨM TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

# Mục tiêu của học phần

- Những nguyên lý cơ cấu các sản phẩm tín dụng của ngân hàng cơ bản
- Những đặc điểm khái quát và lợi ích của các sản phẩm tín dụng tiêu biểu của ngân hàng để từ đó các anh/chị có thể giới thiệu cho khách hàng một cách hiệu quả.
- Kiến thức về sản phẩm tín dụng để giúp anh/chị xác định và tư vấn các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

## !Tuy nhiên học phần này:

- Sẽ **không** cung cấp những kiến thức sâu về quy trình của sản phẩm, anh/chị cần tham gia các khóa học khác nhau để có thể nắm được các kiến thức về từng sản phẩm riêng biệt.
- Vì đây là một học phần của bậc cơ bản nên một số sản phẩm phức tạp sẽ **không** được trình bày một cách chi tiết và sẽ được giới thiệu ở bậc trung và cao.

# Chương trình

Những nguyên tắc cơ cấu sản phẩm tín dụng cơ bản

Sản phẩm tín dụng tiêu dùng

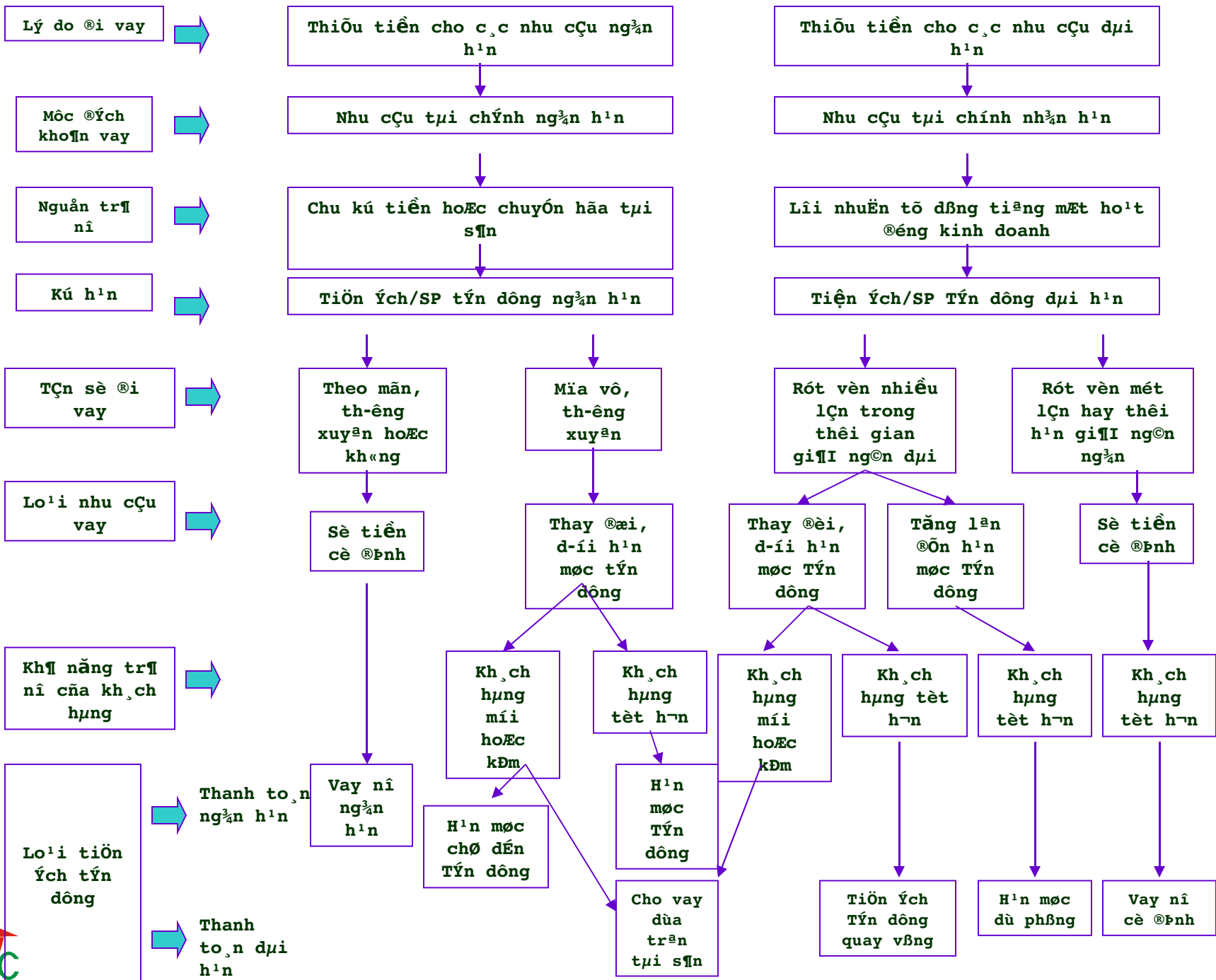
Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp

# Chương trình

Những nguyên lý cơ cấu sản phẩm tín dụng cơ bản

Sản phẩm tín dụng tiêu dùng

Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp



# Các loại lãi suất

- Lãi suất đơn
- Lãi suất gộp
- Lãi suất cố định
- APR (Lãi suất phần trăm năm)
- EAR (Lãi suất thực năm)
- Hoa hồng và các loại phí

# Thời gian trả chậm (“haircuts”)

Việc trả nợ được lùi lại sau một khoảng thời gian

VD:

Đối với vay theo mùa vụ: trả nợ sau khi thu hoạch/bán được hàng

Đối với dự án lớn: cho đến khi dòng tiền vào/tạo ra tiền mặt

# Trả dần/“BALLOON PAYMENT”

Theo thoả thuận, số tiền trả định kỳ không đủ để thanh toán toàn bộ nợ gốc, khách hàng sẽ trả một khoản đáng kể vào ngày đáo hạn.



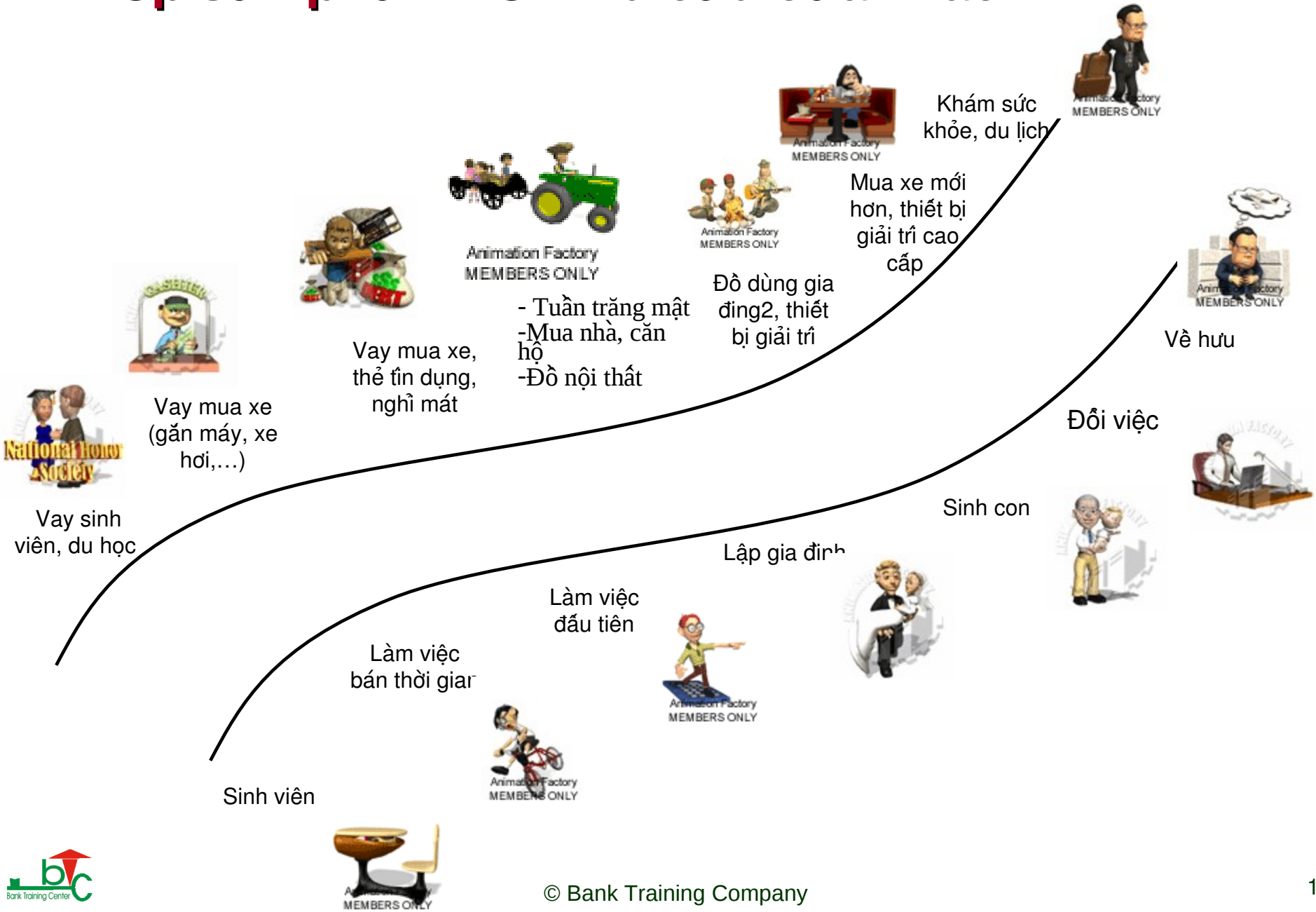
# Cấu trúc của khoản vay/hạn mức

- Thu nhập của ngân hàng chỉ có thể đảm bảo nếu khớp các nhu cầu vay với các nguồn vốn phù hợp. Các cân nhắc chủ yếu là:
  - Mục đích
  - Thời hạn (giai đoạn)
  - Rủi ro
  - Quy mô và mức độ phức tạp của doanh nghiệp đi vay
  - Khả năng trả nợ
- Rủi ro của ngân hàng có thể được thay đổi đáng kể đáng kể bằng việc lựa chọn đúng sản phẩm cho vay và thời hạn cho vay phù hợp.
- Thu nhập của ngân hàng thường luôn đi cùng rủi ro - rủi ro càng nhiều thì mất vốn càng lớn, vì vậy ngân hàng phải tính được các rủi ro khi đưa ra mức lãi suất và phí cho khách hàng.

# SẢN PHẨM TÍN DỤNG TIÊU DÙNG



# Khớp sản phẩm với nhu cầu của khách hàng



# Vay mua nhà thế chấp

## Sự phát triển gần đây của sản phẩm vay mua nhà thế chấp

- Cho bản thân & gia đình - Ở Mỹ hiện nay trong một ngôi nhà có 2 gia đình!
- Lãi suất linh động
  - Cố định (trong x năm)
  - Thay đổi
- Thời hạn trả nợ tối đa 25 năm (ở Cô-oét lên tới 100 năm)
- Nhân với hệ số lương
- Tỷ lệ khoản vay và trị giá lên tới 110%

## Có nhiều lựa chọn:

- Lãi + Gốc
- Chỉ trả lãi
- Khoản tài trợ (dùng bảo hiểm nhân thọ để trả nợ gốc)
- Các nguồn khác (một kế hoạch tiết kiệm để trả nợ gốc)

# Khoản vay tài trợ nhà - Hoàn lại vốn

## ❑ Mục đích

Mọi tài sản hợp pháp - thường là những tài sản xa xỉ như du thuyền và ngôi nhà thứ hai

## ❑ Trả nợ

Như khoản vay nhà ở/thế chấp  
(Có bị thiếu nếu giá cả bất động sản giảm?)

## ❑ Số tiền tối đa

Giá trị phần vốn tự có trong tài sản

# Khoản vay tài trợ nhà - Hoàn lại vốn

- ❑ **Đảm bảo**

Ngôi nhà cho vay

- ❑ **Lãi suất**

Rủi ro thấp – tương tự như thế chấp

- ❑ **Bảo hiểm**

Tương tự như thế chấp

- ❑ **Có cơ hội bán chéo không?**

# Khoản vay kinh doanh chứng khoán (1)

## ❑ Mục đích

Để tài trợ khoản mua chứng khoán, thường là IPOs (Bán chào công khai khởi điểm - Initial Public Offerings)

## ❑ Số tiền tối đa trên đảm bảo

- Tối 50% của giá chứng khoán niêm yết trên thị trường tập trung
- Tối 90% của giá chứng khoán niêm yết trên thị trường phi tập trung
- Tổng Giám đốc có quyền phê duyệt một khoản thấu chi tối 50% theo chính sách của ngân hàng

## ❑ Đảm bảo

- Bất động sản, động sản thuộc sở hữu của khách hàng, hoặc bên thứ 3 (thị trường Việt Nam).
- Chứng chỉ chứng khoán được lưu giữ tại ngân hàng.

# Khoản vay Kinh doanh Chứng khoán (2)

## ❑ Điều khoản thanh toán

- Không có quy định về điều khoản (Thị trường Mỹ)
- Ngân hàng có thể yêu cầu lịch trả lãi hàng tháng với thời hạn không quá 18 tháng (thị trường Mỹ)

## Chú ý - RỦI RO CAO

- Nguồn thanh toán chính cho các khoản vay kinh doanh chứng khoán có thể không chắc chắn.
- Nếu khoản vay được đảm bảo bằng chứng khoán, “Tỷ lệ Vay trên Trị Giá” phải được kiểm tra thường xuyên
- Đưa ra quyết định cẩn trọng đối với các chứng khoán (i) có thể không có thị trường hoặc (ii) trái phiếu phát hành bởi các công ty dưới tiêu chuẩn hoặc các tổ chức chính phủ dưới tiêu chuẩn hoặc (iii) chứng khoán bị hạn chế.
- Thường bị hạn chế bởi các chính sách của chính phủ



# Khoản vay ứng trước tiền bán chứng khoán

## ❑ Mục đích

Ứng trước trong khi chờ nhận được tiền từ người môi giới

## ❑ Điều khoản

Tối đa 6 tháng đối với chứng khoán niêm yết. 12 tháng đối với chứng khoán không niêm yết

## ❑ Số tiền tối đa

Được quyết định bởi tổng giá trị chứng khoán được xác định đã bán bởi công ty kinh doanh chứng khoán trừ đi toàn bộ phí liên quan đến việc mua bán

## ❑ Đảm bảo

Tài sản cố định hoặc lưu động, bảo lãnh bên thứ 3, quyền đối với chứng khoán sẽ bán

# Cho vay đảm bảo bằng chứng khoán

## □ Mục đích

- Khoản vay đảm bảo bằng chứng khoán có thể được sử dụng cho các mục đích hợp pháp

## □ Điều khoản và số tiền vay tối đa

- Quyết định bởi (i) mục đích vay vốn; (ii) lãi biên đối với các đảm bảo; (iii) nguồn trả nợ chính và (iv) ngân sách dùng để trả nợ hàng tháng của bên vay
- Quyết định bởi (i) chất lượng của chứng khoán (ii) khả năng phát mại; (iii) phạm vi giá cả của chứng khoán trong 18 tháng qua và (iv) nguồn trả nợ thứ cấp
- Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu hoặc cổ phiếu phải được kiểm tra giá trị thường xuyên. Thời kỳ kiểm tra được quyết định bởi chính sách của ngân hàng.

## □ Lãi Suất

Chi phí vốn + lãi biên

# Thẻ tín dụng (1)

## □ Mục đích

Được coi là khoản vay tiêu dùng, thẻ tín dụng được sử dụng cho các mục đích hợp pháp như mua hàng, trả chi phí...

## □ Số tiền

- Thẻ tín dụng được phê duyệt với hạn mức cụ thể căn cứ vào thẩm định khả năng tín chấp và trả nợ cụ thể của chủ thẻ
- Hạn mức phê duyệt được lưu lại và phải được xem xét lại theo từng thời kỳ. Thông thường là 1 năm.

## □ Điều khoản trả nợ

- Nguồn trả nợ chính là từ thu nhập lương của chủ thẻ
- Bảng sao kê thẻ được phát hành hàng tháng
- Chủ thẻ có thể lựa chọn thanh toán toàn bộ số dư thẻ hoặc thanh toán tối thiểu tính toán trên tỷ lệ phần trăm của số dư thẻ.

# Thẻ tín dụng (2)

## ❑ Rút vốn

Tiền thường được rút thông qua việc thanh toán cho người bán lẻ hoặc nhà cung cấp. Một số thẻ cho phép rút tiền mặt qua máy ATM hoặc ở quầy.

## ❑ Lãi Suất và phí

- Phí thường niên. Một số thẻ tính phí cao hơn loại khác
- Một số thẻ cho phép thời gian miễn lãi từ 14 đến 55 ngày (với phí thường niên cao hơn)
- Một số thẻ không tính phí thường niên nhưng tính lãi từ ngày mua hàng
- Rút tiền mặt luôn bị tính phí
- Lãi suất thay đổi theo thời gian. Lãi suất có xu hướng cao hơn các loại vay tiêu dùng khác vì số dư thẻ là tín chấp.

## ❑ Đảm bảo

- Thông thường được duyệt trên cơ sở tín chấp
- Có thể đảm bảo bằng các đảm bảo ngân hàng chấp nhận, thường là chứng chỉ tiền gửi, tiết kiệm, vàng...

# Cho vay đảm bảo bằng bảo hiểm nhân thọ (1)

## □ Khái niệm sản phẩm

Vay vốn đảm bảo bằng trị giá bằng tiền của bảo hiểm nhân thọ, có nghĩa là nếu hợp đồng được chuyển đổi thành tiền/kết thúc bây giờ thì trị giá của nó là bao nhiêu?

## □ Mục đích Khoản vay

Cho các mục đích hợp pháp

## □ Điều khoản của khoản vay

Quyết định bởi (i) số tiền vay; (ii) khả năng trả nợ của bên vay

## □ Nguồn trả nợ

Nguồn trả nợ chính phải là nguồn **khác** nguồn từ hợp đồng bảo hiểm. Nguồn chính phải là từ thu nhập hoặc lương hoặc gì đó tương tự của bên vay.

# Cho vay đảm bảo bằng bảo hiểm nhân thọ (2)

## □ **Đảm bảo**

- Ngân hàng phải giữ hợp đồng bảo hiểm và phát hành chứng nhận đã nhận TSĐB.
- Khách hàng phải hoàn thành mẫu chuyển nhượng và công ty bảo hiểm phải xác nhận vào chuyển nhượng này
- Chuyển nhượng phải được hoàn thành trước khi hoàn tất khoản vay

## □ **Chú ý**

- Nếu hợp đồng đứng tên một đứa trẻ, khoản vay bị từ chối.
- Bên bảo hiểm có thể không hợp tác do ngân hàng sử dụng giá trị quy đổi ra tiền của hợp đồng làm TSĐB.
- Các công ty bảo hiểm cũng sẵn sàng cho vay đảm bảo bằng giá trị của hợp đồng bảo hiểm
- Phụ thuộc vào quy định tại địa phương, việc lấy TSĐB là hợp đồng bảo hiểm cũng phải được cân nhắc do có thể có các bên khác cũng có 'quyền lợi' trong hợp đồng này, vd: nếu một người có hợp đồng bảo hiểm cho mình NHƯNG vợ ông ta mới là người thụ hưởng.

## Các hình thức cho vay tuần hoàn khác – Thấu chi

- ❑ **Khái niệm Sản phẩm:** Là hạn mức liên tục duy trì trên tài khoản của khách hàng để cho các khoản thấu chi không chủ định của tài khoản
- ❑ **Mục đích:** thấu chi thường được duyệt trên cơ sở tín chấp của khách hàng cho các mục đích vay vốn thích đáng
- ❑ **Thời hạn:** thấu chi thường cho thời gian ngắn, trong vòng một tuần, một tháng
- ❑ **Lãi suất:** thường là mức lãi cao nhất trong khung lãi suất
- ❑ **Đảm bảo:** tín chấp
- ❑ **Chú ý:**
  - Vì đây là khoản vay tín chấp, việc phê duyệt phải thông qua một hệ thống cân trọng trong ngân hàng.
  - Loại vay này có rủi ro rất cao

# Chương trình

Những nguyên tắc cơ cấu sản phẩm tín dụng cơ bản

Sản phẩm tín dụng tiêu dùng

Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp



# SẢN PHẨM TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP



# Khớp sản phẩm với nhu cầu của khách hàng

Khách hàng của anh/chị cần gì?

## Các sản phẩm

### Doanh Nghiệp Nhỏ

#### **Để kinh doanh**

Tăng dòng tiền, vốn lưu động, quỹ lương, tiền mặt dự phòng trong trường hợp khẩn cấp

#### **Tái cơ cấu nợ**

Tiết kiệm tiền bằng việc thay thế khoản vay có lãi suất tốt hơn

#### **Thành lập hoặc mua lại doanh nghiệp mới**

Thành lập hoặc mở rộng doanh nghiệp của anh/chị bằng cách mua lại một doanh nghiệp khác

#### **Mua sắm trang thiết bị, phương tiện hoặc bất động sản**

Mua thêm hoặc tài trợ - Các trang thiết bị, phương tiện chuyên chở mới và đã qua sử dụng và bất động sản do người chủ ở

- Tín dụng doanh nghiệp nhanh
- Hạn mức tín dụng đặc biệt
- Hạn mức tín dụng thế chấp nhà ở cá nhân
- Vay có bảo đảm/không bảo đảm

- Các loại hạn mức tín dụng khác nhau
- Vay ngắn hạn/dài hạn

- Hạn mức tín dụng đặc biệt
- Vay đầu tư có bảo đảm
- Thẻ tín dụng doanh nghiệp

- Vay có bảo đảm/không bảo đảm
- Vay mua trang thiết bị, xe cộ
- Thuê mua
- Vay có thời hạn
- Vay mua bất động sản

# Khớp sản phẩm với nhu cầu của khách hàng

Khách hàng cần gì?

Các sản phẩm

Tập đoàn  
và  
Công ty

## Thúc đẩy tăng trưởng

- Vốn lưu động
- Chi vốn cố định

## Mở rộng kinh doanh

- Sắt nhập & Mua lại
- Mua lại sở hữu công ty
- Mở rộng thị trường/sản phẩm

## Thị trường vốn

- Tái tài trợ/Điều chỉnh vốn
- Mua cổ phiếu
- Cổ tức

## Các hoạt động thương mại

- Các hoạt động tài trợ xuất/nhập khẩu

## Tài trợ có tài sản đảm bảo

- Hạn mức tín dụng (hạn mức tuân hoàn hoặc không cam kết)
- Vay có kỳ hạn
- Tài trợ dự án
- Các công cụ tài trợ thương mại

# Các loại hình tài trợ theo vòng đời của doanh nghiệp

Người vay	TÀI CHÍNH LÀNH MẠNH	ÁP LỰC TÀI CHÍNH	TÌNH THỂ ĐẢO NGƯỢC
	<p>Vốn mạnh</p> <p>Dòng tiền mạnh</p>	<p>Cơ cấu vốn suy yếu</p> <p>Dòng tiền mặt giảm</p>	<p>Cơ cấu vốn không kiểm soát được</p> <p>Dòng tiền mặt âm</p>
<p>Các loại hình tài trợ</p>	<p>TÀI TRỢ CÓ TÀI SẢN ĐẢM BẢO</p> <p>TÀI TRỢ TRUYỀN THỐNG</p> <p>TÀI TRỢ DỰA TRÊN LƯU CHUYỂN TIỀN MẶT</p>		

# Tín dụng doanh nghiệp nhanh - Thấu chi (1)

## □ **Khái niệm về sản phẩm**

Đây là một loại hạn mức tín dụng cho phép doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn và linh động trong việc xin vay và trả nợ một cách thường xuyên khi cần thiết.

## □ **Mục đích?**

- Vốn lưu động theo mùa vụ
- Tái tài trợ nợ
- Mua nguyên vật liệu và hàng dự trữ
- Tài trợ các khoản phải thu (?)
- Quỹ dự phòng các trường hợp khẩn cấp.

## □ **Lợi ích của sản phẩm**

- Linh động trong việc quản lý dòng tiền
- Chỉ sử dụng khi cần thiết
- Nhanh chóng, dễ dàng tiếp cận nguồn vốn thông qua thẻ tín dụng séc, chuyển khoản, ATM.
- Không phải làm thủ tục vay mỗi lần
- Lãi suất tính theo ngày trên kết số dư chưa trả & chỉ phải trả lãi khi sử dụng.
- Bù trừ kết số dư bên có vào lãi suất bên nợ

# Tín dụng Doanh nghiệp nhanh - Thấu chi (2)

## □ Đặc điểm của sản phẩm

Số tiền	Phụ thuộc vào hạn mức cho phép
Giải ngân	Trực tiếp vào tài khoản vãng lai/thanh toán
Thế chấp	Có hoặc không có thế chấp
Trả nợ	Số tiền trả nợ thay đổi theo từng tháng
Thời hạn	Thông thường không quá 1 năm
Phí/Lãi suất	<b>Tính trên dư nợ phát sinh x số ngày vay</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>Lãi suất</li><li>Phí thường niên</li><li>Phí lập hồ sơ</li></ul>	<b>0.5-1.0% phụ thuộc vào lượng tín dụng</b> <b>\$200 or 0.5% dựa trên lượng tín dụng và thế chấp</b>

# Tín dụng Doanh nghiệp nhanh - Thủ chi (3)

## Những rủi ro và Cảnh báo:

- Đây là một sản phẩm có độ rủi ro cao vì không kiểm soát được mục đích sử dụng vốn vay. Chỉ nên bán sản phẩm này cho các khách hàng được xếp hạng tín dụng xuất sắc.
- Hạn mức tối đa phải được quy định rõ ràng.
- Không được sử dụng cho mục đích tài trợ chi phí xây dựng cơ bản và đầu tư.
- Phải có các điều khoản giúp ngân hàng hủy hạn mức hoặc chuyển sang khoản vay có kỳ hạn một khi người vay qua đánh giá của ngân hàng đã không tuân thủ những điều kiện của hạn mức đó.
- Không nên gia hạn khoản vay này nếu phải mất nhiều thời gian chuẩn bị tài sản đảm bảo, bảo hiểm, các giấy tờ cho việc thiết lập khoản vay.

# Hạn mức tín dụng theo mùa vụ (1)

## ❑ Khái niệm sản phẩm

Đây là một loại cho vay ngắn hạn được lập trước khi cần đến.

## ❑ Ích lợi của sản phẩm

Sản phẩm này được thiết kế nhằm mục đích tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn theo mùa vụ của khách hàng (mục đích chủ yếu là tài trợ vốn lưu động) trong giai đoạn cao điểm và để dự phòng khi kết thúc vụ mùa.



# Hạn mức tín dụng theo mùa vụ (2)

## ❑ Đặc điểm của sản phẩm

Giống như các hạn mức tín dụng khác ngoại trừ:

- ✓ Thời hạn kết thúc hạn mức không vượt quá ... năm phải được xác định
- ✓ Hạn mức phải được ngừng ít nhất 45 ngày liên tiếp mỗi năm
- ✓ Hạn mức phải được thanh toán đến một mức nhất định mỗi năm trong vòng 30 ngày để đảm bảo hạn mức này được sử dụng cho mục đích tài trợ vốn lưu động ngắn hạn.
- ✓ Hạn mức có thể được đảm bảo bằng tài khoản phải thu, các trang thiết bị, hàng tồn kho.

# Thẻ tín dụng Doanh nghiệp (1)

## Khái niệm về sản phẩm

- ✓ Thẻ tín dụng cho các chủ doanh nghiệp
- ✓ Các chủ doanh nghiệp muốn có được những điểm thưởng và các sản phẩm dịch vụ có giá trị đi kèm với việc kiểm soát chặt chẽ chi tiêu của doanh nghiệp mình.

## Đặc điểm của sản phẩm

- ✓ Cứ mỗi đôla sử dụng, khách hàng sẽ được 1 điểm thưởng. Tích lũy được số điểm thưởng nhất định (ví dụ 2500 điểm) sẽ có thưởng.
- ✓ Tính phí hàng năm đối với thẻ tín dụng doanh nghiệp
- ✓ Không mất phí chuyển số dư tài khoản
- ✓ Mất phí khi rút tiền mặt
- ✓ Mất phí nếu trả nợ chậm
- ✓ Thời gian ân hạn khi mua sắm

*Các ngân hàng áp dụng các thời hạn và điều kiện khác nhau đối với các loại thẻ tín dụng doanh nghiệp khác nhau.*

# Thẻ tín dụng Doanh nghiệp (2)

## Ích lợi của sản phẩm

- Thanh toán hoá đơn thông qua dịch vụ Ngân hàng trực tuyến miễn phí - anh/chị có thể truy cập vào tài khoản và thanh toán hoá đơn trực tuyến 24h/7
- Các dịch vụ sẵn có cho phép người sử dụng thẻ thuận tiện trong việc quản lý tài khoản.
- Sao kê hàng tháng tiện cho việc theo dõi chi tiêu
- Liên kết tài khoản thẻ tín dụng đến 1 tài khoản vãng lai của doanh nghiệp để phòng thiếu chi
- Bảo vệ các khoản nợ gây ra do thẻ bị sử dụng sai mục đích lên đến trên \$100,000/ chủ thẻ
- Hạn mức tín dụng lên đến \$25,000
- Tiết kiệm và giảm giá đối với các giao dịch hàng ngày
- Thẻ tín dụng doanh nghiệp được chấp nhận thanh toán trên 20 triệu địa điểm trên toàn thế giới

# Cho vay trung dài hạn

- Chủ yếu tài trợ nhu cầu đầu tư mua sắm trang thiết bị, bất động sản và các mục đích thông thường khác như:
  - Mở rộng hoặc hiện đại hóa nhà máy
  - Mua lại hoặc sát nhập doanh nghiệp
  - Tái tài trợ nợ
  - Bổ sung vốn lưu động bị cạn kiệt do hoạt động mở rộng kinh doanh trước đó
  - Tài trợ các cơ hội đầu tư, Ban Điều hành Mua lại (MBO), Ban điều hành Góp vốn (MBI)
- Trả nợ cho các khoản vay trung/dài hạn cần phải được cơ cấu trả dần toàn bộ trong thời hạn của khoản vay. Nên tránh các khoản vay “trả dồn một lần” (balloon payment).
- **KHÔNG** cho vay ngắn hạn hoặc cấp hạn mức tín dụng mùa vụ cho nhu cầu vay dài hạn.

# Cho vay dựa trên tài sản (1)

## Khái niệm

- Đây là khoản vay có đảm bảo bằng tài sản của khách hàng như các khoản phải thu, hàng tồn kho, trang thiết bị và/hoặc bất động sản nhờ vậy mà ngân hàng được ưu tiên đảm bảo quyền lợi đối với các tài sản được tài trợ.
- Hình thức cho vay này chủ yếu dùng bổ sung vốn lưu động -> tài sản đảm bảo thường là tài sản lưu động (các khoản phải thu, hàng tồn kho v.v)
- Hạn mức tín dụng: 70-80% của tài khoản phải thu; 65% của hàng tồn kho. Số tiền có thể tăng hoặc giảm tùy theo giá trị và tính lỏng của những tài sản này.

# Cho vay dựa trên tài sản (2)

## Quản lý người vay như thế nào?

- **Một bản cam kết vay nợ** chỉ ra mối quan hệ giữa giá trị của tài sản thế chấp có sẵn để đảm bảo cho các khoản vay và số dư nợ thực phải được trình lên ngân hàng định kỳ.
- **Báo cáo tài sản đảm bảo**: Báo cáo sử dụng vốn; và/hoặc báo cáo tài sản có thể được cung cấp hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng. Loại chứng từ yêu cầu có thể là hóa đơn bán hàng/vận đơn, danh sách các khoản phải thu phân theo tuổi nợ, danh sách hàng tồn kho.

# Cho vay dựa trên tài sản (3)

## Quản lý người vay như thế nào? (tiếp theo)

- **Quản lý thu nợ:** Khách hàng phải mở 1 tài khoản ủy thác để nhận tiền từ các khoản phải thu. Chỉ ngân hàng có quyền sử dụng tài khoản này.
- **Kiểm tra các hoạt động thường xuyên:** Ngân hàng sẽ tiến hành kiểm tra sổ sách kế toán và chứng từ của người vay theo định kỳ để đảm bảo độ chính xác và hợp pháp để chứng minh giá trị của tài sản đảm bảo khớp với kê khai của người vay.

# Cho vay dựa trên tài sản (4)

## Ích lợi của sản phẩm

- *Nâng cao tính thanh khoản*: đối với một công ty trong ngành sản xuất theo chu kỳ sẽ có khả năng vay được nhiều hơn. Mặt khác nếu công ty vay dựa trên dòng tiền và lợi nhuận gộp và khi lợi nhuận giảm, khả năng vay sẽ giảm.
- *Các nguyên tắc gắn liền*: Thúc đẩy người vay thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng hơn và nâng cao tính hiệu quả của quá trình sản xuất để tăng tính thanh khoản.



# Cho vay dựa trên tài sản (5)

## Ích lợi của sản phẩm (tt)

- *Ít các ràng buộc tài chính:* Nói chung, Cho vay dựa trên tài sản đưa ra ít điều khoản ràng buộc hơn bởi vì nó đã có tài sản thế chấp làm đảm bảo. Các điều khoản, nếu có thường là tỷ lệ khả năng trả nợ và vốn tự có.
- *Sự kiên trì của ngân hàng:* khi người cho vay nắm giữ tài sản đảm bảo, họ có thể sẵn lòng cho thêm thời gian để người vay lật ngược tình thế trong hoạt động kinh doanh của công ty nếu công ty ấy đang gặp khó khăn về tài chính
- *Linh hoạt hơn* Cho vay dựa trên tài sản linh hoạt hơn cho người vay trong việc họ có thể sử dụng khoản tiền được vay.

# Tài trợ dự án (1)

## Khái niệm

- Tài trợ dự án được cấp cho các dự án đòi hỏi một lượng tiền lớn và/hoặc trong thời gian dài (thời gian dài hơn khoản vay dài hạn có thời hạn là 5 năm)
- Các lĩnh vực cần sử dụng đến khoản tài trợ dự án thường bao gồm xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, công nghiệp hoặc dịch vụ công cộng.
- Thời hạn vay từ 3 đến 25 năm

## Lịch trả nợ

- Cơ cấu tài chính cho một dự án thường có xu hướng phức tạp nhất là các phương án tài chính bao gồm cả tiền vay nợ và vốn tự có.
- Trả nợ được thu xếp dựa vào Dòng tiền được sinh ra từ dự án hơn là những tài sản chung hay uy tín trả nợ của chủ dự án  
*Ví dụ:* tiền thu được từ phí cầu đường trả cho tài trợ dự án làm đường

# Tài trợ dự án (2)

## Ích lợi của sản phẩm

- Cung cấp một lượng lớn tiền tài trợ
- Cấu trúc tài chính và lịch trình trả nợ phức tạp được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của dự án và dòng tiền của dự án
- Người vay thường được cung cấp các dịch vụ tư vấn trong việc thu xếp tài chính một cách tối ưu nhất và các vấn đề về luật pháp và kỹ thuật để giảm thiểu rủi ro.

## Tài sản đảm bảo

- Tài sản của dự án và/hoặc dòng tiền được lấy từ dự án đó và/hoặc
- Bất cứ sự sắp xếp có liên quan đến dự án ví dụ từ phía chính phủ, các tổ chức tài chính siêu quốc gia như Ngân hàng Thế giới v.v...

## Tài trợ dự án (3)

Các cơ hội bán chéo sản phẩm:

- Bảo hiểm
- Bảo lãnh
- Giới thiệu nhà thầu phụ
- Các sản phẩm Thanh toán và Quản lý tiền tệ
- Các sản phẩm phòng ngừa rủi ro về lãi suất
- Các sản phẩm ngoại hối

# Tài trợ dự án (4)

## Rủi ro:

- Cho vay đồng tài trợ là giải pháp thông dụng để ngân hàng phân tán rủi ro.
- Rủi ro quốc gia/chính trị/quyền tù chñ
- Năng lực của nhà thầu
- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thị trường (nhu cầu?/cạnh tranh?)  
=> Cần cả trước những nghiên cứu chính xác
- Các vấn đề liên quan về thuế
- Hợp đồng/các điều kiện ràng buộc rất rõ ràng và chi tiết

# Cho vay đồng tài trợ

## Khái niệm

- Dàn trải nợ trong một số ngân hàng tham gia.

## Lợi ích của cho vay đồng tài trợ

- Giúp người cho vay quản lý danh mục đầu tư bằng các giảm rủi ro.
- Cơ hội tăng thu nhập từ tiền lãi và các loại phí cho các ngân hàng thành viên và ngân hàng đứng ra dàn xếp
- Phí có thể bao gồm phí dàn xếp, phí cam kết, phí quản lý và phí đại lý v.v..

## Ai tham gia vào cho vay đồng tài trợ?

- Các ngân hàng thương mại
- Các công ty tài chính
- Các công ty chứng khoán
- Các công ty bảo hiểm
- Các quỹ đầu tư

# Cho Vay Đồng Tài Trợ

CHO VAY ĐỒNG TÀI TRỢ -  
CAM KẾT=RỦI RO NHIỀU HƠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHO VAY



Exhibit #3

Nguồn : Fleet Securities

Khi ngân hàng cam kết tài trợ, ngân hàng đó đồng ý tài trợ toàn bộ cho dự án, sau đó bán lại một phần trong cam kết đó để phân tán rủi ro.

# Cho Vay Đồng Tài Trợ

CHO VAY ĐỒNG TÀI TRỢ -  
THU XẾP=ÍT RỦI RO HƠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHO VAY



Exhibit #4

Nguồn : Fleet Securities

Khi ngân hàng thu xếp một khoản vay, ngân hàng chỉ cam kết cho phần sẽ cho vay và sau đó phải bán các phần còn lại trước khi hoàn tất giao dịch. Trong bất kỳ trường hợp nào, ngân hàng cần đóng vai trò là người đứng ra thu xếp hay là quản lý hành chính.



# Tài trợ Thương mại

- Thương mại Quốc tế
- Tài trợ Xuất/Nhập khẩu
- Tài trợ đơn đặt hàng
- Bao thanh toán/Chiết khấu hóa đơn

# Tổng kết

- Các khoản vay theo nhu cầu dựa trên khả năng trả nợ
- Các thanh toán nợ vay phải phù hợp với khả năng trả nợ
- Khớp nhu cầu của khách hàng với sản phẩm
- Không bán đặc điểm hãy bán các lợi ích của sản phẩm

Com/n!